

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KỲ ANH  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày: 03 – 09 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Thị, Ông Lê Văn Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 06 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXX-HS ngày 07/07/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Y**                      Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 01/09/1971 tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Buôn bán và sản xuất nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Chí Th và bà Lê Thị TuY; Chồng: Hoàng Xuân T; Con: có 03 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2005); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giữ từ ngày 10/09/2019 đến ngày 13/09/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đậu Thị Th D

Sinh ngày: 01/10/1986; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị L

Sinh ngày: 22/02/1971; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

3. Chị Lê Hà G

Sinh ngày: 16/06/1993; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

4. Chị Trần Thị H

Sinh ngày: 01/06/1980; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Kim H1

Sinh ngày: 06/09/1989; Nơi cư trú: V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn T B

Sinh năm: 1958; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

7. Bà Thái Thị Th

Sinh ngày: 15/07/1950; Nơi cư trú: D, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị L1

Sinh ngày: 05/08/1981; Nơi cư trú: H, xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

9. Chị Lê Thị H2

Sinh ngày: 19/04/1988; Nơi cư trú: L, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

10. Ông Hoàng Xuân T

Sinh ngày: 10/10/1966; Nơi cư trú: D, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

*Người làm chứng*

Anh Nguyễn Tiến Đ

Sinh ngày: 01/10/1985; Nơi cư trú: V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

### **NỘI D VU ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào dịp tháng 3 và tháng 4 năm 2019, bị cáo Lê Thị Y đã liên tục cho chị Đậu Thị Th D vay 4 khoản với tổng số tiền gốc theo các hợp đồng vay là 1.850.000.000đ, lãi suất cao hơn 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 53.343.000đ, cụ thể:

- Khoản thứ nhất: Ngày 28/03/2019 dương lịch cho vay 500.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 146%/năm). Hai bên thỏa thuận vay 6 ngày phải trả cả gốc và lãi, nhưng đến 13 ngày sau, ngày 10/04/2019 dương lịch tức là ngày 06/03/2019 âm lịch, chị D mới trả cho Y 300.000.000đ tiền gốc và 26.000.000đ tiền lãi, dư nợ 200.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Do đó, khoản thứ nhất lẽ ra Y chỉ được lấy số tiền lãi tối đa là  $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 500.000.000\text{đ} \times 13 \text{ ngày} = 3.562.000\text{đ}$ . Như vậy, khoản thứ nhất Y đã thu lợi bất chính số tiền  $26.000.000\text{đ} - 3.562.000\text{đ} = 22.438.000\text{đ}$ .

- Khoản thứ hai: Ngày 06/03/2019 âm lịch, tức ngày 10/04/2019 dương lịch, trong khi chưa lấy hết nợ khoản thứ nhất, Y tiếp tục cho chị D vay thêm 50.000.000đ, cộng với dư nợ gốc 200.000.000đ của khoản thứ nhất thì chị D nợ Y 250.000.000đ. Do đó chị D đã viết vào sổ của Y với nội dung vợ chồng chị D vay của vợ chồng Y 250.000.000đ. Khoản nợ này hai bên thỏa thuận lãi suất 4000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 146%/năm), thời hạn vay 10 ngày phải trả cả gốc và lãi, nhưng 13 ngày sau chị D mới trả cho Y 250.000.000đ tiền gốc và 13.000.000đ tiền lãi.

Khoản thứ hai lẽ ra Y chỉ được lấy số tiền lãi tối đa là  $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 250.000.000\text{đ} \times 13 \text{ ngày} = 1.781.000\text{đ}$ . Như vậy, khoản thứ hai Y thu lợi bất chính số tiền  $13.000.000\text{đ} - 1.781.000\text{đ} = 11.219.000\text{đ}$ .

- Khoản thứ ba: Ngày 08/03/2019 âm lịch, tức ngày 12/04/2019 dương lịch, trong khi chưa lấy nợ khoản thứ hai, Y tiếp tục cho chị D vay 400.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 146%/năm). Hai bên thỏa thuận vay 10 ngày phải trả cả gốc và lãi, nhưng 12 ngày sau chị D mới trả cho Y 400.000.000đ tiền gốc và 19.200.000đ tiền lãi.

Khoản thứ ba lẽ ra Y chỉ được lấy số tiền lãi tối đa là  $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 400.000.000\text{đ} \times 12 \text{ ngày} = 2.630.000\text{đ}$ . Như vậy, khoản thứ ba Y thu lợi bất chính số tiền  $19.200.000\text{đ} - 2.630.000\text{đ} = 16.570.000\text{đ}$ .

- Khoản thứ tư: Ngày 13/03/2019 âm lịch, tức ngày 17/04/2019 dương lịch, trong khi chưa lấy nợ khoản thứ ba, Y tiếp tục cho chị D vay 700.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm), trong ngày hôm đó chị D trả Y 700.000.000đ tiền gốc và 3.500.000đ tiền lãi.

Khoản thứ tư lẽ ra Y chỉ được lấy số tiền lãi tối đa là  $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 700.000.000\text{đ} \times 01 \text{ ngày} = 384.000\text{đ}$ . Như vậy, khoản thứ tư Y thu lợi bất chính số tiền:  $3.500.000\text{đ} - 384.000\text{đ} = 3.116.000\text{đ}$ .

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) cuốn sổ có kích thước (20 x 15)cm bìa ngoài có nhiều màu sắc, bên trong có các trang giấy kẻ ngang được đánh số thứ tự từ 01 đến 71.

- 01 (một) cuốn sổ có kích thước (20 x 13)cm, bìa bằng da màu nâu, có khóa bằng nút bấm, bên trong có các trang giấy kẻ ngang được đánh số thứ tự từ 1 đến 235.

- 01 (một) cuốn sổ có kích thước (19 x13)cm, bìa ngoài có in hoa văn màu đỏ đen bên trong có nhiều trang giấy kẻ ngang được đánh số thứ tự từ 1 đến 394.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSKA ngày 30/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để xét xử Lê Thị Y về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 201, các Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Thị Y hình phạt chính phạt tiền từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ và hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị:

- Truy thu tại Lê Thị Y số tiền gốc cho vay: 1.850.000.000đ và số tiền lãi nằm trong giới hạn lãi suất 20%/năm: 8.355.000đ.

- Buộc Lê Thị Y phải trả lại cho chị Đậu Thị Th D số tiền lãi bất hợp pháp: 44.990.000đ.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án các tờ giấy trong sổ ghi chép có ghi chép về 4 khoản vay bị truy tố. Trả lại cho Lê Thị Y các tờ giấy trong sổ ghi chép không có ghi chép về 4 khoản vay bị truy tố.

- Buộc Lê Thị Y phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Y tranh luận thừa nhận hành vi và tội phạm của mình, xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo phạm tội lần đầu, nay đã ăn năn hối cải, hiện nay bị cáo đau ốm, bệnh tật.

Chị Đậu Thị Th D tranh luận yêu cầu được bị cáo Y trả lại số tiền lãi bất hợp pháp và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Y.

Ông Hoàng Xuân T tranh luận thừa nhận sau khi chị D không trả được nợ ông đã cùng Y nhiều lần gặp chị D đòi nợ nhưng ông không biết gì về việc Y cho vay nặng lãi. Ông đề nghị trả lại cho vợ chồng Y các tờ giấy trong sổ ghi chép không có ghi chép về 4 khoản vay bị truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có ý kiến tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. Về tố tụng, hoạt động điều tra, kiểm sát điều tra và truy tố có một số vi phạm và thiếu sót, cụ thể là:

- Sau khi Viện kiểm sát chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án để xét xử, thực hiện phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, Tòa án trao đổi ý kiến về việc chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án để chứng minh lãi suất và tiền lãi của khoản vay thứ tư còn thiếu thuyết phục thì Cơ quan điều tra chuyển thêm cho Tòa án Lệnh khám xét khẩn cấp và Biên bản khám xét khẩn cấp do cơ quan điều tra lập ngày 11/09/2019 (mục đích nhằm chứng tỏ cơ quan điều tra đã tiến hành hết các biện pháp điều tra cần thiết nhưng không thu thập thêm được chứng cứ nào khác). Còn Viện kiểm sát chuyển cho thêm Tòa án bản tự khai của Lê Thị Y lập ngày 09/09/2019 gửi Viện kiểm sát và Biên bản hỏi cung bị can do Kiểm sát viên lập ngày 09/09/2019 (nhằm chứng tỏ ngay từ đầu Y đã thừa nhận mức lãi suất và tiền lãi đã trả của khoản vay thứ tư đúng như bản cáo trạng kết luận).

Xét thấy: Trước khi khởi tố vụ án, cơ quan điều tra đã tiến hành “khám xét khẩn cấp” nhà ở của Y nhưng không đưa tài liệu khám xét khẩn cấp vào hồ sơ vụ án, không thông báo cho Viện kiểm sát biết về hoạt động khám xét khẩn cấp là vi phạm Điều 131, Khoản 2 Điều 193 Bộ luật tố tụng hình sự. Ngày 09/09/2019 trong khi chưa có quyết định khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can nhưng Kiểm sát viên đã tiến hành hỏi cung và xác định tư cách bị can đối với Y, sau đó lại không chuyển Bản tự khai của Y và Biên bản hỏi cung này cho cơ quan điều tra để đưa vào hồ sơ vụ án là vi phạm Điều 60, Điều 131, Điều 178, Khoản 4 Điều 183 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Biên bản khám xét khẩn cấp, Biên bản hỏi cung của Kiểm sát viên lập ngày 09/09/2019, Bản tự khai của Y lập ngày 09/09/2019 gửi Viện kiểm sát không đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ, cho nên không được sử dụng làm nguồn chứng cứ chứng minh nội dung vụ án, Tòa án chỉ căn cứ vào các nguồn chứng cứ khác và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa để kết luận về lãi suất và tiền lãi của khoản vay thứ tư.

- Trong giai đoạn truy tố Phó Viện trưởng Viện kiểm sát thừa ủy quyền Viện trưởng Viện kiểm sát ra quyết định số 01/QĐ-VKSKA ngày 30/11/2019 trả lại cho Y các sổ ghi chép về các khoản cho vay. Đây là chứng cứ quan trọng nhất trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, việc trả lại các sổ ghi chép tạo ra nguy cơ bị chỉnh sửa hoặc tiêu hủy các chứng cứ quan trọng nhất của vụ án, mặt khác các cuốn sổ này là phương tiện phạm tội, thuộc đối tượng bị tịch thu, do đó Viện kiểm sát trả lại các cuốn sổ này cho Y là vi phạm quy định tại các Điều 90, 105, 106 Bộ luật tố tụng hình sự về quản lý, bảo quản và xử lý vật chứng.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án có ý kiến trao đổi, Viện kiểm sát đã thu thập lại các cuốn sổ này bàn giao cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án. Qua kiểm tra thấy các cuốn sổ này chưa bị chỉnh sửa hoặc tiêu hủy, do đó vi phạm của Viện kiểm sát đã được khắc phục.

- Sau khi Tòa án ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ nhất số 01/2020/HSST-QĐ ngày 25/05/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh đã ban hành Công văn số 315/CV-VKSKA ngày 09/06/2020 trả lời không chấp nhận điều tra bổ sung, nhưng Công văn này Viện kiểm sát không đưa vào hồ sơ vụ án,

không ghi số bút lục và đóng dấu bút lục của Viện kiểm sát, không đưa vào thống kê tài liệu (mục lục) hồ sơ vụ án mà chỉ gửi riêng lẻ cho Tòa án qua dịch vụ bưu chính không có bảo đảm. Công văn này thực chất là một quyết định tố tụng quyết định về việc không chấp nhận điều tra bổ sung, giữ nguyên cáo trạng, do đó việc không đưa Công văn này vào hồ sơ vụ án là vi phạm Điều 131, 139 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung lần thứ hai số 02/2020/HSST-QĐ ngày 16/06/2020, Viện kiểm sát đã chấp nhận một phần Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung lần thứ hai, đưa Công văn số 315/CV-VKSKA ngày 09/06/2020 nêu trên vào hồ sơ vụ án, do đó vi phạm này đã được khắc phục.

- Đơn tố cáo của chị Đậu Thị Th D còn tố cáo Nguyễn Thị L cư trú tại thôn Trung Thượng, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cũng có hành vi cho vay lãi nặng đối với chị D, cơ quan điều tra đã tách hành vi của L để giải quyết bằng một vụ án hình sự khác nhưng không ra quyết định tách vụ án. Việc không ra quyết định tách vụ án vi phạm Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, việc không ra quyết định tách vụ án không làm thay đổi bản chất của vụ án.

Xét các vi phạm nêu trên phần lớn đã được khắc phục. Biên bản khám xét khẩn cấp, Biên bản hỏi cung của Kiểm sát viên lập ngày 09/09/2019 và Bản tự khai của Y lập ngày 09/09/2019 gửi Viện kiểm sát không đảm bảo tính hợp pháp để làm nguồn chứng cứ chứng minh nội D vụ án nhưng Tòa án có thể sử dụng các nguồn chứng cứ khác và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa để kết luận về lãi suất và tiền lãi của khoản vay thứ tư. Do đó, mặc dù quá trình điều tra, kiểm sát điều tra và truy tố có một số vi phạm, nhưng căn cứ quy định tại Khoản 6 Điều 252 và Khoản 3 Điều 280 của Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và ra phán quyết căn cứ vào các chứng cứ hợp pháp có được đến thời điểm xét xử.

[2]. Đối với ba khoản vay thứ nhất, thứ hai, thứ ba thì sổ ghi chép về các khoản vay do Lê Thị Y giao nộp cho cơ quan điều tra đều ghi nhận số tiền vay gốc, thời hạn vay, tiền lãi đã trả. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Y và chị D đều có lời khai hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung của sổ ghi chép về 03 khoản vay này. Do đó có đầy đủ chứng cứ để kết luận về ba khoản vay này.

Khoản vay thứ tư sổ ghi chép chỉ ghi số tiền vay gốc, không có ghi chép về thời hạn vay và số tiền lãi đã trả. Quá trình điều tra Y khai không thống nhất về lãi suất và tiền lãi đã trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa Y và chị D đều thống nhất khai vay trong thời hạn 1 ngày và đã trả lãi 3.500.000đ, đồng thời cả hai lý giải sở dĩ nhớ được chắc chắn như vậy vì đây là khoản vay lớn nhất giữa hai bên nên để lại ấn

tượng rõ nét và do chỉ vay trong thời hạn một ngày nên áp dụng lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, cao hơn so với vay dài ngày, Y còn lý giải tại giai đoạn điều tra Y khai lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày và đã lấy lãi 2.100.000đ là vì tại thời điểm đó Y chưa chú ý nhớ lại nên khai không chính xác. Tại phiên tòa qua thẩm vấn cả Y và chị D đều trả lời được một cách chi tiết và phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, nội dung của quá trình gặp gỡ thỏa thuận vay tiền, giao tiền vay và trả tiền vay. Do đó, cũng đủ cơ sở để xác định Y và chị D còn nhớ được rõ ràng, chính xác về khoản vay thứ tư, không nhầm lẫn với các khoản vay khác.

Với các chứng cứ như trên đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị Y đã cho vay liên tục 4 khoản với lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 53.343.000đ. Hành vi của Y đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Hành vi của bị cáo Y là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm xáo trộn trật tự lưu thông tiền tệ tại địa phương và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bên vay trong giao dịch dân sự. Trong quá trình điều tra, sau khi bán hai thửa đất cho người khác, Y đã cùng chồng là ông Hoàng Xuân T tiếp tục tặng cho con là anh Hoàng Xuân Phương một thửa đất cùng nhà ở của mình, tẩu tán hết tài sản nhằm trốn tránh các nghĩa vụ tài chính trước nhà nước, chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải, né tránh trách nhiệm trước pháp luật, cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, Y phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra Y đã thành khẩn khai báo, đầu thú, bố Y được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bố và mẹ Y có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Ủy Bn nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tặng bằng khen, Y còn được người bị thiệt hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhân thân của bị cáo Y tốt.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của Y như trên, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt Y hình phạt chính phạt tiền từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ là phù hợp.

[4]. Vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã bị xử phạt hình phạt chính bằng hình phạt “phạt tiền” thì không cần thiết phải xử phạt hình phạt bổ sung bằng hình phạt “phạt tiền” thêm một lần nữa.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự xét thấy số tiền gốc 1.850.000.000đ (theo 4 hợp đồng) bị cáo Y cho chị D vay là phương tiện phạm tội, do đó truy thu tại Y để sung quỹ nhà nước. Số tiền lãi

8.357.000đ nằm trong giới hạn lãi suất tối đa 20%/năm mà Bộ luật dân sự quy định các bên của hợp đồng vay được phép thỏa thuận là tiền do phạm tội mà có, vì vậy truy thu tại Y để sung quỹ nhà nước. Tổng cộng Y bị truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.858.357.000đ.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá mức 20% năm là 53.343.000đ (vị đại diện Viện kiểm sát xác định 44.990.000đ là không chính xác). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự, được hướng dẫn tại Công văn số 212 ngày 13/9/2019 của Tòa án tối cao thì số tiền lãi này không có hiệu lực và bị cáo Lê Thị Y phải trả lại cho chị Đậu Thị Th D.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 104, Điểm a Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy các tờ giấy trong sổ ghi chép do Y giao nộp trên đó có ghi chép về các khoản vay bị truy tố, xét xử là phương tiện phạm tội, đồng thời cũng là tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm, do đó tịch thu lưu hồ sơ vụ án. Các tờ giấy khác trong sổ ghi chép trên đó không có ghi chép về các khoản vay bị truy tố, xét xử không phải là vật chứng của vụ án, do đó trả lại cho Lê Thị Y.

[8]. Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo thì bị cáo Lê Thị Y phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, do bị cáo Y còn phải thực hiện trách nhiệm dân sự trả lại cho chị D 53.343.000đ tiền lãi bất hợp pháp, cho nên còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm  $5\% \times 53.343.000\text{đ} = 2.667.000\text{đ}$ .

[9]. Trong vụ án này, ngoài 04 khoản vay bị truy tố và xét xử nêu trên, Y còn cho chị D, chị Lê Hà G, chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn T B, bà Thái Thị Th, chị Nguyễn Thị L1, chị Lê Thị H2 vay nhiều khoản tiền khác, nhưng kết quả điều tra xác định các khoản vay này không có lãi hoặc lãi suất chưa vượt quá 5 lần lãi suất cao nhất do pháp luật quy định, do đó tách các khoản vay này giải quyết bằng các vụ án dân sự khác khi những người tham gia tố tụng có yêu cầu.

[10]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Lê Thị Y, chị Đậu Thị Th D, ông Hoàng Xuân



T có mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L, chị Lê Hà G, chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn T B, bà Thái Thị Th, chị Nguyễn Thị L1, chị Lê Thị H2 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 201; các Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;
- Các Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;
- Khoản 1 Điều 468, Khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự;
- Điểm a Khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 104, Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Y phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:
  - Phạt tiền bị cáo Lê Thị Y 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).
  - Truy thu tại bị cáo Lê Thị Y 1.850.000.000đ (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc cho vay và 8.357.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền lãi do phạm tội mà có. Tổng cộng truy thu tại bị cáo Lê Thị Y 1.858.357.000đ (Một tỷ tám trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).
  - Buộc bị cáo Lê Thị Y phải trả lại cho chị Đậu Thị Th D 53.343.000đ (Năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền lãi bất hợp pháp.
  - Tịch thu lưu hồ sơ vụ án các tờ giấy trong các sổ ghi chép do bị cáo Lê Thị Y giao nộp có ghi chép về 04 khoản vay gồm: khoản vay ngày 28/03/2019 dương lịch, khoản vay ngày 06/03/2019 âm lịch tức ngày 10/04/2019 dương lịch, khoản vay ngày 08/03/2019 âm lịch tức ngày 12/04/2019 dương lịch, khoản vay ngày 13/03/2019 âm lịch tức ngày 17/04/2019 dương lịch.
  - Trả lại cho bị cáo Lê Thị Y các tờ giấy trong các sổ ghi chép không có ghi chép về 04 khoản vay nêu trên.
- Các sổ ghi chép có trong hồ sơ vụ án.

- Buộc bị cáo Lê Thị Y phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.667.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Y, chị Đậu Thị Th D, ông Hoàng Xuân T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L, chị Lê Hà G, chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Kim H1, ông Nguyễn T B, bà Thái Thị Th, chị Nguyễn Thị L1, chị Lê Thị H2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Những người có QL, NV liên quan;
- VKSND huyện Kỳ Anh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện Kỳ Anh 2 bản (để lưu);
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Ngọc Tùng**